TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒN ĐẤT
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 39/2023/DS-ST
Ngày 15/5/2023
V/v: "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cúc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Đoạt

Ông Nguyễn Tấn Lập

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thành M - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang: không tham gia phiên tòa.

Ngày 15 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 25/2023/TLST-DS ngày 06 tháng 02 năm 2023 về việc "*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2023/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1970

Địa chỉ: Ấp Mỹ Trinh, xã Hưng Phú, huyện PL, tỉnh B.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Lê Hoàng M, sinh năm 1965. Địa chỉ: ấp Nam Huề, xã Bình Thành, huyện T, tỉnh A. (Ông M có mặt)

- Bị đơn: Ông Trần Văn T, sinh năm 1970 (vắng mặt)

Bà Nguyễn Thị Q, sinh năm 1963 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố Tri Tôn, thị trấn Hòn Đất, huyện H, tỉnh K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo nội dung khởi kiện và tại phiên tòa hôm nay, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Lê Hoàng M trình bày như sau:*

Do làm ăn mua bán lúa giống với nhau nên ông T và bà Q có nợ bà Nguyễn Thị X một khoản tiền như sau:

- Nợ ngày 29/04/2020 số tiền là: 367.200.000đ.

Bà X giao lúa giống cho ông T, bà Q làm hai đợt:

Đợt 1 giao lúa giống ST25 tổng cộng là 10.720 x 28.000/1kg = 300.160.000đ

Đợt 2 giao lúa giống ST24 2600đ/kg x 28.000đ/1kg = 46.800.000đ

Tiền nợ cũ: 20.240.000đ

Tổng cộng = 367.200.000đ.

Ông T, bà Q đến nói là do bà con nông dân thất mùa nên không thu được tiền và có hứa sau 02 tháng nữa sẽ thanh toán, nhưng từ đó đến nay vợ chồng ông T, bà Q không trả được số tiền nào.

Nay bà X khởi kiện yêu cầu ông T, bà Q có trách nhiệm liên đới trả số tiền nợ 367.200.000 đồng và lãi chậm trả tính từ ngày 29/05/2020 đến 29/05/2022 là 24 tháng, lãi xuất 1% bằng 88.128.000 đồng. Tổng cộng là 455.328.000 đồng.

* *Đối với bị đơn ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị Q:*

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo tất cả các văn bản tố tụng gồm: Thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cùng với các Giấy triệu cho ông T và bà Q. Tuy nhiên đến ngày mở phiên tòa phía bị đơn vẫn vắng mặt và không có văn bản nêu ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên không có lời khai của ông T, bà Q tại Tòa.

* *Tại phiên tòa:* Ông M vẫn giữ nguyên ý kiến và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Bà Nguyễn Thị X khởi kiện yêu cầu ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị Q phải liên đới trả số tiền nợ mua bán lúa. Phía bị đơn cư trú tại địa bàn huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Xét thấy đây là tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Về nội dung vụ án:*

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, HĐXX xét thấy: Nguyên đơn có cung cấp chứng cứ để chứng M cho yêu cầu khởi kiện của mình là giấy tay ngày 29/3/2020 với nội dung ông Trần Văn T có nhận của Kim X lúa giống ST25 và ST24 với tổng số tiền 367.200.000 đồng, ông Trần Văn T có ký xác nhận nợ. Trong thời gian thụ lý vụ án, ông T, bà Q có nhận được Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng của Tòa án, đồng thời Tòa án có yêu cầu ông bà cung cấp các tài liệu, chứng cứ có liên quan và ý kiến của mình về nội dung khởi kiện của bà X, tuy nhiên ông T và bà Q không cung cấp, cũng không có ý kiến gì. Như vậy ông T, bà Q đã không thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình được quy định tại Điều 70 Bộ luật tố tụng Dân sự. Do đó, HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về số tiền ông T, bà Q còn thiếu nợ là 367.200.000 đồng.

Đối với yêu cầu tính lãi chậm trả: Tại phiên tòa hôm nay, ông M đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cho rằng khi ông T ký xác nhận nợ, ông có hẹn sau 02 tháng sẽ gom tiền của nông dân để trả cho bà X, nhưng sau đó ông T, bà Q không trả và tiếp tục hứa hẹn nhiều lần kéo dài đến nay, nên bà X yêu cầu tính lãi chậm trả 1%/tháng tính từ 29/5/2020 đến 29/5/2022 bằng 367.200.000đ x 24 tháng x 1%/tháng = 88.128.000 đồng. Xét thấy, việc ông T, bà Q không thanh toán đầy đủ tiền mua lúa giống của bà X là vi phạm nghĩa vụ trả nợ được quy định tại Điều 440 Bộ luật Dân sự, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà X nên yêu cầu của bà X về việc tính lãi chậm trả là hoàn toàn có căn cứ để chấp nhận. Đối với khoảng thời gian từ 29/5/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm phía nguyên đơn không yêu cầu tính lãi nên HĐXX ghi nhận sự tự nguyện này của nguyên đơn.

Như vậy ông T và bà Q phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà X số tiền 367.200.000 đồng và lãi suất chậm trả là 88.128.000 đồng. Tổng cộng là 455.328.000 đồng.

Từ những cơ sở trên, sau khi thảo luận nghị án, HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4]. *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Ông T và bà Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

- Bà Nguyễn Thị X được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 430, Điều 440 Bộ luật Dân sự 2015;

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị X.

Buộc ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị Q có trách nhiệm liên đới trả cho bà Nguyễn Thị X số tiền gốc và lãi chậm trả là 455.328.000 đồng (Bốn trăm năm mươi lăm triệu, ba trăm hai mươi tám nghìn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án hợp pháp khoản tiền trên, người phải thi hành án chậm thi hành án thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm thi hành được xác định theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền làm tròn là 22.213.000 đồng (Hai mươi hai triệu, hai trăm mười ba nghìn đồng).

- Bà Nguyễn Thị X được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 11.106.500 đồng (Mười một triệu, một trăm linh sáu nghìn, năm trăm đồng) theo biên lai thu số 0004325 ngày 12/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

3. Quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014./.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Hòn Đất;
- Chi cục THADS huyện Hòn Đất;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Cúc